

Nam Định, ngày 29 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch tháng 9 năm 2022

A. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên đơn vị cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
- Địa chỉ: Số 5 Yết Kiêu, Khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Hòa, TP. Nam Định
- Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:

TT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy	Ghi chú
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	22.000	131.210	4 mẫu/đợt	
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	13.000	89.236	3 mẫu/đợt	
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt	
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt	
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt	
6	Liên Bảo	Sông Đào	6.000	23.230	3 mẫu/đợt	
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt	
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt	
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt	
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.000	9.950	3 mẫu/đợt	
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt	
12	Quý Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	1.200	8.230	3 mẫu/đợt	
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.000	12.040	3 mẫu/đợt	
14	Yên Định	Nước ngầm	1.000	6.700	3 mẫu/đợt	

Ghi chú:- Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch

- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Số mẫu	Vị trí lấy mẫu nước
14	Tại bể chứa nước bơm đi tại nhà máy
14	Tại vòi sử dụng trên mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng
15	Tại vòi sử dụng cuối mạng lưới đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng sử dụng

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước...

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

1. Kết quả xét nghiệm nước thành phẩm trong tháng: Có phiếu kiểm nghiệm nước kèm theo.

2. Kết quả xét nghiệm:

2.1. Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%

2.2. Tổng số mẫu không đạt quy chuẩn: Không.

Trong đó:

- Số mẫu không đạt về lý, hóa học: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt về vi sinh vật: 0 mẫu.
- Số mẫu không đạt cả về lý, hóa học và vi sinh vật: 0 mẫu.

2.3. Các chỉ tiêu không đạt: Không có chỉ tiêu không đạt.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC: Không.

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không./.

Nơi nhận:

- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định
(Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 9/2022);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng QLCN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hằng

Nam Định, ngày 29 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO
Tổng hợp kết quả chất lượng nước sạch quý III năm 2022

A. THÔNG TIN CHUNG:

- Tên đơn vị cấp nước:** Công ty cổ phần nước sạch & VSNT Nam Định
- Địa chỉ:** Số 5 Yết Kiêu, Khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Hòa, TP. Nam Định
- Công suất thiết kế, tổng số hộ gia đình được cung cấp nước, nguồn nước nguyên liệu:**

STT	Tên nhà máy trực thuộc	Nguồn nước	Công suất thiết kế (m ³ /ng.đ)	Tổng dân số được cung cấp nước (người)	Số mẫu nước/đợt/nhà máy
1	Giao Thủy	Sông Ninh Cơ	22.000	131.210	4 mẫu/đợt
2	Xuân Trường	Sông Ninh Cơ	13.000	89.236	3 mẫu/đợt
3	Mỹ Lộc	Sông Hồng	8.000	66.150	3 mẫu/đợt
4	Nghĩa An	Sông Đào	10.000	56.290	3 mẫu/đợt
5	Yên Lộc	Sông Đào	13.000	78.925	3 mẫu/đợt
6	Liên Bảo	Sông Đào	6.000	23.230	3 mẫu/đợt
7	Yên Quang	Sông Đáy	5.500	22.940	3 mẫu/đợt
8	Xuân Tân	Sông Hồng	5.500	37.360	3 mẫu/đợt
9	Nam Dương	Sông Đào	3.500	17.560	3 mẫu/đợt
10	Đại Thắng	Sông Đào	2.000	9.950	3 mẫu/đợt
11	Nghĩa Hưng	Sông Đáy	2.600	18.090	3 mẫu/đợt
12	Quỹ Nhất	Sông Đáy/ Nước ngầm	1.200	8.230	3 mẫu/đợt
13	Hải Toàn	Nước ngầm	2.000	12.040	3 mẫu/đợt
14	Yên Định	Nước ngầm	1.000	6.700	3 mẫu/đợt

Ghi chú: - Đơn vị cấp nước cho dưới 100.000 dân: lấy ít nhất 03 mẫu nước sạch

- Đơn vị cấp nước cho từ 100.000 dân trở lên: lấy ít nhất 04 mẫu nước sạch

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC:

1. Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước, tần suất thực hiện nội kiểm và chế độ thông tin báo cáo

Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước			Số lượng mẫu và các thông số thử nghiệm nội kiểm trong kỳ báo cáo (đầy đủ theo quy định hay không)	Tần suất thực hiện nội kiểm (đúng theo quy định hay không)	Chế độ thông tin báo cáo (đúng theo quy định hay không)	Các biện pháp khắc phục (có hay không)
Lập hồ sơ (có hay không)	Hồ sơ đầy đủ theo quy định (có hay không)	Nếu không đầy đủ thì thiếu tài liệu gì				
Tại 14 nhà máy nước có đầy đủ hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước bao gồm sổ lưu mẫu nước thành phẩm, kết quả phân tích chất lượng nước.	Tại 14 nhà máy nước có đầy đủ hồ sơ theo quy định.	Không có.	- Phân tích mẫu nước thành phẩm tại 14 nhà máy gồm 43 mẫu/tháng - Đối với nhà máy khai thác nước mặt thử nghiệm 15 chỉ tiêu theo QCVN 01-1:2018/BYT gồm: + mức độ giám sát A có 5 chỉ tiêu lý hóa và 2 chỉ tiêu vi sinh + Mức độ giám sát B có 8 chỉ tiêu lý hóa - Đối với nhà máy khai thác nước ngầm thử nghiệm 16 chỉ tiêu theo QCVN 01-1:2018/BYT	Tần suất thực hiện nội kiểm 01 lần/tháng chỉ tiêu A và 02 lần/tháng chỉ tiêu B của QCVN 01-1:2018/BYT	Chế độ báo cáo đúng theo quy định.	Không.

			<p>gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + mức độ giám sát A có 6 chỉ tiêu lý hóa và 2 chỉ tiêu vi sinh + Mức độ giám sát B có 8 chỉ tiêu lý hóa - Báo cáo đầy đủ theo mẫu số 05 và mẫu số 06 thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế. 		
--	--	--	--	--	--

Nhận xét:

Các nhà máy nước thuộc công ty có đầy đủ hồ sơ theo dõi và quản lý chất lượng nước gồm hồ sơ về sử dụng hóa chất trong quá trình sản xuất nước sạch, sổ theo dõi việc lưu mẫu nước, sổ theo dõi chất lượng nước trong ngày, các phiếu phân tích chất lượng nước... ; chế độ báo cáo theo tháng, theo quý và tần suất thực hiện việc lấy mẫu và phân tích mẫu nước đúng theo quy định của thông tư 41/2018/TT-BYT ngày 14/12/2018 của Bộ Y tế.

2. Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước trong kỳ báo cáo

(Một mẫu nước đạt quy chuẩn là đạt tất cả các thông số theo quy định hiện hành)

Tổng số mẫu nước làm thử nghiệm: 43 mẫu.

Tổng số mẫu đạt quy chuẩn: 43 mẫu.

Tỷ lệ mẫu đạt quy chuẩn: 100%.

Các chỉ tiêu không đạt: không.

C. KẾT QUẢ NGOẠI KIỂM

1. Các đơn vị thực hiện ngoại kiểm

TT	Đơn vị thực hiện ngoại kiểm	Số lần ngoại kiểm	Nội dung ngoại kiểm	Thử nghiệm các thông số chất lượng nước (có, không)
1	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn	2 lần/năm	Ngoại kiểm chất lượng nước sạch chỉ tiêu B theo	Có

415
 NG
 PH
 SA
 N
 NAM
 NH.

đo lường chất lượng 1	QCVN 01-1:2018/BYT của 14 nhà máy nước và hồ sơ theo dõi chất lượng nước.
-----------------------	---

2. Kết quả ngoại kiểm

TT	Nội dung ngoại kiểm	Đạt (số lượng, tỷ lệ %)	Không đạt (số lượng, tỷ lệ %)
1	Hồ sơ theo dõi, quản lý chất lượng nước - Lập hồ sơ - Hồ sơ đầy đủ theo quy định	Số lượng: 14/14 Tỷ lệ: 100%	Số lượng: 0/14 Tỷ lệ: 0%
2	Thử nghiệm các thông số chất lượng nước nội kiểm - Số mẫu - Kết quả (số mẫu, tỷ lệ %) - Các thông số không đạt	- Số mẫu: 43 mẫu/tháng - Kết quả: số mẫu đạt là 43 mẫu, đạt 100% - Các thông số không đạt: không.	- Số mẫu: 0 mẫu/tháng - Kết quả: số mẫu không đạt là 0 mẫu, đạt 0% - Các thông số không đạt: không.
3	Thực hiện báo cáo, công khai thông tin - Báo cáo - Công khai thông tin	- Báo cáo đầy đủ kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch đến trung tâm y tế dự phòng các huyện, trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định, UBND các xã được cấp nước (qua email). - Công khai thông tin lên trang Website công ty và trước cổng nhà máy nước.	Không
4	Thực hiện các biện pháp khắc phục	Không	Không

5	<p>Kết quả thử nghiệm thông số chất lượng nước của cơ quan ngoại kiểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số mẫu - Kết quả (số mẫu, tỷ lệ %) - Các thông số không đạt 	<ul style="list-style-type: none"> - Số mẫu: 43 mẫu/tháng - Kết quả: số mẫu đạt là 43 mẫu, đạt 100% - Các thông số không đạt: không. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số mẫu: 0 mẫu/tháng - Kết quả: số mẫu không đạt là 0 mẫu, đạt 0% - Các thông số không đạt: không.
6	<p>Công khai thông tin chất lượng nước sạch</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo cho đơn vị cấp nước - Công khai trên trang thông tin của cơ quan ngoại kiểm - Thông báo cho cơ quan có thẩm quyền - Thông báo cho đơn vị chủ quản 	Có	Không

D. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ: Không.

Nơi nhận:


- Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Nam Định (Kèm theo phiếu kết quả phân tích tháng 9/2022);
- Trung tâm y tế dự phòng huyện;
- Phó Giám đốc Phạm Thị Hằng;
- Phòng QLCN;
- Các NMN
- Lưu VP, Nhà thí nghiệm.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Hằng



	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Ngọc Tương - Địa chỉ: Thôn Trung Linh, xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Xuân Diệu - Địa chỉ: Đường 50, xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 16/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN




Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vương, phường Lộc Vương, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 01



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** TT. Xuân Trường - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Ngọc Tương - Địa chỉ: Thôn Trung Linh, xã Xuân Ngọc, huyện Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Xuân Diệu - Địa chỉ: Đường 50, xã Xuân Thủy, huyện Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi vị*	*	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,88	0,88	0,89	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,45	0,40	0,35	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,87	7,88	7,88	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,155	1,162	1,190	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	20,786	20,992	21,609	Đạt
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,667	0,667	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	79,0	79,0	80,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,384	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vương, phường Lộc Vương, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	Điện thoại: 02283.528.175 Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Giao Tiên - Giao Thủy - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:
Vũ Xuân Bắc - Địa chỉ: Xóm 4, Giao Nhân, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:
Nguyễn Văn Liêm - Địa chỉ: Xóm 4, Giao Nhân, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Cao Đình Hiện - Địa chỉ: Xóm Tiên Long, Giao Châu, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,37	0,38	0,38	0,41	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,50	0,44	0,38	0,33	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,76	7,78	7,80	7,81	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSD số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,336	1,339	1,353	1,370	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	15,435	16,258	16,670	17,280	Đạt
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,500	0,667	0,667	Đạt
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	85,0	86,0	86,0	86,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,020	8,020	8,384	8,384	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT




Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Giao Thủy
2. **Địa chỉ:** Giao Tiến - Giao Thủy - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 1:
Vũ Xuân Bắc - Địa chỉ: Xóm 4, Giao Nhân, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng số 2:
Nguyễn Văn Liêm - Địa chỉ: Xóm 4, Giao Nhân, Giao Thủy, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Cao Đình Hiện - Địa chỉ: Xóm Tiến Long, Giao Châu, Giao Thủy, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm vi sinh).

5. **Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 16/9/2022
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 1	Tại trên mạng đường ống hộ KHSĐ số 2	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đình Văn Hạnh - Địa chỉ: Xóm Cự, xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đoàn Ngọc Doãn - Địa chỉ: Xóm Phú Ân, xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	11,0	11,0	11,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,27	0,29	0,30	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,55	0,47	0,39	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,45	7,47	7,50	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,029	1,039	1,056	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	18,728	19,551	19,963	Đạt
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	79,0	79,0	79,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	5,832	6,197	6,197	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	< 0,05	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT



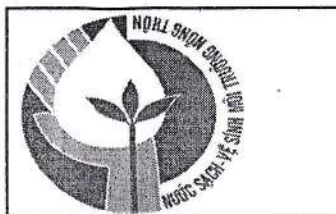
Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không-quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH**

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xuân Tân - Xuân Trường - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đình Văn Hạnh - Địa chỉ: Xóm Cự, xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đoàn Ngọc Doãn - Địa chỉ: Xóm Phú Ân, xã Xuân Tân, huyện Xuân Trường, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 16/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT T	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm


Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hằng
**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Cao Sơn - Địa chỉ: Đường 55, Nam Cường, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đoàn Văn Quang - Địa chỉ: Đường 55, Nam Cường, Nam Trực, Nam Định

Trong đó: Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 500 ml có nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường

- Ngày lấy mẫu:** 12/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 12/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,12	0,20	0,48	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,60	0,45	0,40	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,66	7,68	7,71	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,922	0,923	0,928	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	11,113	11,731	12,142	Đạt
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	0,500	0,500	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	90,0	91,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,197	6,562	6,562'	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Nghĩa An - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Cao Sơn - Địa chỉ: Đường 55, Nam Cường, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Đoàn Văn Quang - Địa chỉ: Đường 55, Nam Cường, Nam Trực, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 12/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 12/9/2022 đến 14/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hằng
**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Văn Tùng - Địa chỉ: Quán Chiền, Nam Dương, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Quận - Địa chỉ: xóm Rót, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định

Trong đó: Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 500 ml có nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường

- Ngày lấy mẫu:** 15/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 15/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,39	0,45	0,52	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,41	0,32	0,21	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,54	7,57	7,60	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,151	1,160	1,171	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	9,878	10,496	11,319	Đạt
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	0,500	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	87,0	87,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	6,562	6,926	6,926	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Nam Dương - Nam Trực - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Văn Tùng - Địa chỉ: Quán Chiền, Nam Dương, Nam Trực, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Quận - Địa chỉ: xóm Rót, Bình Minh, Nam Trực, Nam Định

Trong đó:

+ Dụng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 15/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 15/9/2022 đến 16/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC


Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm



Phạm Thị Hằng
**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 06



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nghĩa Hưng
2. Địa chỉ: Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Lạp - Địa chỉ: xóm 8, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Mạnh Cường - Địa chỉ: phố Bắc, thị trấn Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó: Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 500 ml có nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường

5. Ngày lấy mẫu: 14/9/2022
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
7. Thời gian thử nghiệm: 14/9/2022 đến 26/9/2022
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,46	0,55	0,59	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,44	0,30	0,25	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,82	7,84	7,88	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,863	0,872	0,883	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	13,789	14,200	14,818	Đạt
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	85,0	85,0	85,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,291	7,291	7,655	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	< 0,05	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Nghĩa Trung - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Lạp - Địa chỉ: xóm 8, Nghĩa Trung, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Mạnh Cường - Địa chỉ: phố Bắc, thị trấn Liễu Đề, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 16/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



Phạm Thị Hằng
**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 07

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quĩ Nhất
- Địa chỉ:** TT. Quĩ Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Tâm - Địa chỉ: Khu 9, TT. Quĩ Nhất, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Thịnh - Địa chỉ: Khu 8, TT. Quĩ Nhất, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó: Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 500 ml có nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,32	0,40	0,42	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,35	0,26	0,21	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,68	7,69	7,72	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,775	0,793	0,797	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	12,965	13,583	13,789	Đạt
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,667	0,667	0,667	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	89,0	89,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	11,665	11,665	11,665	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định		
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Quĩ Nhất
2. Địa chỉ: TT. Quĩ Nhất - Nghĩa Hưng - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Văn Tâm - Địa chỉ: Khu 9, TT. Quĩ Nhất, Nghĩa Hưng, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Thịnh - Địa chỉ: Khu 8, TT. Quĩ Nhất, Nghĩa Hưng, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm vi sinh).

5. Ngày lấy mẫu: 14/9/2022
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
7. Thời gian thử nghiệm: 14/9/2022 đến 16/9/2022
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 08

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt



4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phan Văn Thuận - Địa chỉ: Khu 3, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Văn Tích - Địa chỉ: Khu 4, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó: Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 500 ml có nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường

- Ngày lấy mẫu:** 16/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 16/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	6,0	7,0	7,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,35	0,39	0,43	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,37	0,29	0,22	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,50	7,53	7,57	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	< 0,006	< 0,006	< 0,006	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,155	1,156	1,161	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	12,142	12,965	13,377	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,667	0,667	0,667	Đạt
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	142,0	143,0	143,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	16,768	16,768	17,133	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	0,046	0,050	0,052	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " * " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " ** " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TT. Yên Định - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phan Văn Thuận - Địa chỉ: Khu 3, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Văn Tích - Địa chỉ: Khu 4, TT. Yên Định, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 16/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 19/9/2022 đến 21/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	0	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	0	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm



Phạm Thị Hằng
**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Phán - Địa chỉ: Xóm 6, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Tặng - Địa chỉ: Xóm 10, Hải An, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó: Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 500 ml có nắp đậy kín, bảo quản ở nhiệt độ thường

- Ngày lấy mẫu:** 16/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 16/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	10,0	10,0	10,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,33	0,46	0,46	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,48	0,40	0,31	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,60	7,62	7,66	Đạt
6	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020A	KPH	KPH	KPH	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	< 0,006	< 0,006	< 0,006	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,007	1,025	1,042	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	14,612	15,641	16,258	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	106,0	106,0	106,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	24,788	24,788	25,153	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	0,054	0,056	0,056	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	< 0,05	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu " * " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu " ** " là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** Hải Toàn - Hải Hậu - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Văn Phán - Địa chỉ: Xóm 6, Hải An, Hải Hậu, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Văn Tặng - Địa chỉ: Xóm 10, Hải An, Hải Hậu, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 16/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 19/9/2022 đến 21/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	0	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	0	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 10

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Thị Mỹ Hạnh - Địa chỉ: xóm Xôi, Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
 - Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Thị Khéo - Địa chỉ: xóm Xôi, Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
- Ngày lấy mẫu:** 15/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 15/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,37	0,38	0,38	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,57	0,41	0,38	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,61	7,64	7,66	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,958	0,976	0,984	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	23,050	23,461	24,079	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	87,0	88,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	5,832	6,197	6,197	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



**CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Liên bảo - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Thị Mỹ Hạnh - Địa chỉ: xóm Xôi, Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Nguyễn Thị Khéo - Địa chỉ: xóm Xôi, Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 15/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 15/9/2022 đến 16/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thẩm

Trần Thị Thẩm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ
SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 11

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Đình Chi - Địa chỉ: Xóm La Đồng, Mỹ Tiến, Mỹ Lộc, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Ngọc Cường - Địa chỉ: Xóm 9, Mỹ Hà, Mỹ Lộc, Nam Định

Trong đó:

- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 12/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 12/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	7,0	7,0	7,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	Không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,39	0,40	0,42	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,48	0,44	0,36	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,85	7,86	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,141	1,146	1,150	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	20,374	20,786	21,609	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	0,500	0,500	Đạt
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	88,0	88,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	5,832	5,832	5,832	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	< 0,05	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachtnamding@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Mỹ Hà - Mỹ Lộc - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Đình Chi - Địa chỉ: Xóm La Đồng, Mỹ Tiến, Mỹ Lộc, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Ngọc Cường - Địa chỉ: Xóm 9, Mỹ Hà, Mỹ Lộc, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 12/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 12/9/2022 đến 14/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KT. GIÁM ĐỐC

KIỂM NGHIỆM VIÊN


Trần Thị Thắm

Trần Thị Thắm



Phạm Thị Hằng
**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
Điện thoại: 02283.528.175		Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12



1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
2. **Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Cao Văn Việt - Địa chỉ: xóm 13, Yên Lộc, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Thị Thán - Địa chỉ: xóm 14, Yên Lộc, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 13/9/2022
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
7. **Thời gian thử nghiệm:** 13/9/2022 đến 26/9/2022
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,28	0,31	0,33	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,55	0,40	0,35	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,77	7,78	7,81	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,118	1,121	1,126	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	21,403	21,609	22,021	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,667	0,667	Đạt
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	90,0	91,0	91,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	5,832	6,197	6,197	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT


KT. GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Lộc
- Địa chỉ:** Yên Lộc - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Cao Văn Việt - Địa chỉ: xóm 13, Yên Lộc, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trần Thị Thán - Địa chỉ: xóm 14, Yên Lộc, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 13/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 13/9/2022 đến 15/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thám

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vương, phường Lộc Vương, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Ngọc Trung - Địa chỉ: Trại 3, Yên Quang, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trịnh Văn Đông - Địa chỉ: Trại 3, Yên Quang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰ C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 13/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 13/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,12	0,21	0,25	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,35	0,25	0,24	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,58	7,61	7,62	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01- 1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	0,969	0,976	0,984	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	18,316	18,728	19,551	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	77,0	78,0	78,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,749	8,749	8,749	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Quang
2. Địa chỉ: Yên Quang - Ý Yên - Nam Định
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Phạm Ngọc Trung - Địa chỉ: Trại 3, Yên Quang, Ý Yên, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Trịnh Văn Đông - Địa chỉ: Trại 3, Yên Quang, Ý Yên, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm vi sinh).

5. Ngày lấy mẫu: 13/9/2022
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 13/9/2022 đến 15/9/2022
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.



CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH
NÔNG THÔN NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định

Điện thoại: 02283.528.175

Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Xuân Trinh - Địa chỉ: Thống Nhất, Thôn Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Đức Trung - Địa chỉ: Thống Nhất, Thôn Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 26/9/2022
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát A)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi vị*	-	không có mùi, vị lạ	TCVN 9719:2013	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
3	Độ đục*	NTU	2	Máy đo độ đục - Hach	0,59	0,63	0,65	Đạt
4	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	Máy đo clo dư - Hach	0,50	0,39	0,37	Đạt
5	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,49	7,53	7,55	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Nitrit* (tính theo N)	mg/l	0,05	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Nitrat* (tính theo N)	mg/l	2	TCVN 6180:1996	1,010	1,016	1,021	Đạt
3	Sulfat*	mg/l	250	TCVN 6200:1996	15,641	16,052	16,670	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu (Mức độ giám sát B)	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
4	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	< 0,5	< 0,5	< 0,5	Đạt
5	Độ cứng*	mg/l	300	TCVN 6224:1996	91,0	92,0	92,0	Đạt
6	Cl ⁻ *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	5,832	6,197	6,197	Đạt
7	Fe tổng*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
8	Mn*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC




Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L
6. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CP NƯỚC SẠCH & VỆ SINH NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
		<u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: Số 5, đường Yết Kiêu, khu đô thị Hòa Vượng, phường Lộc Vượng, TP Nam Định, tỉnh Nam Định	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 15



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** Đại Thắng - Vụ Bản - Nam Định
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng đường ống phân phối trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Xuân Trinh - Địa chỉ: Thống Nhất, Thôn Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định
- Mẫu lấy tại vòi nước sử dụng cuối mạng đường ống trước khi vào bể chứa khách hàng:
Vũ Đức Trung - Địa chỉ: Thống Nhất, Thôn Đồng Tiến, Đại Thắng, Vụ Bản, Nam Định

Trong đó:

+ Đựng trong chai thủy tinh nút xoáy 250 ml đã hấp sấy, bảo quản 2^o - 8^oC (xét nghiệm vi sinh).

- Ngày lấy mẫu:** 14/9/2022
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 14/9/2022 đến 16/9/2022
- Kết quả thử nghiệm**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại trên mạng đường ống	Tại cuối mạng đường ống	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 3	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	0	0	0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2018/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Nam Định, ngày 27 tháng 9 năm 2022

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP nước sạch & vệ sinh nông thôn Nam Định.